

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DSST

Ngày: 23-9-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Dur

2/ Ông Nguyễn Lý Xuyên

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Ông Bùi
Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 về
“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
57/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm: 1969

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Tiến, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có
mặt)

** Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Bích L, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nghĩa Bình, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021, bản tự khai ngày 20/5/2021, biên bản lấy
lời khai ngày 30/6/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:*

Nguyên trước đây bà có quen biết bà L là người hàng xóm, ngày 19/12/2019 âm
lịch bà L có vay của bà với số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để làm mua cá
bán, đến ngày 29/12/2019 âm lịch bà L tiếp tục vay bà với số tiền 100.000.000 đồng,
tổng cộng bà L vay 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng với lãi suất 2%/tháng
(tức 4.000.000 đồng/tháng), bà L hứa khi nào bán nhà sẽ trả, bà L có viết giấy vay tiền

và bà L ký tên. Từ ngày 29/12/2019 âm lịch đến ngày 29/9/2020 âm lịch bà L có trả cho bà 9 tháng tiền lãi là 36.000.000 đồng và khoảng tháng 10/2020 âm lịch bà L có trả cho bà 10.000.000 đồng tiền gốc (trả hai lần mỗi lần 5.000.000 đồng), còn lại 190.000.000 đồng và từ đó đến nay bà L không trả nữa, mặc dù bà đã nhiều lần đến nhà để đòi cả tiền gốc và tiền lãi nhưng bà L cứ khất hẹn không chịu trả. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị Bích L phải trả tiền gốc theo qui định pháp luật và không yêu cầu tiền lãi chậm trả.

* Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng bà L cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa và các phiên hòa giải.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Đỗ Thị Bích L phải trả nợ vay còn lại cho bà Phạm Thị B và không yêu cầu trả lãi là phù hợp theo qui định tại Điều 463; Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015. Bà Đỗ Thị Bích L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Phạm Thị B tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị Bích L trả nợ do vi phạm hợp đồng vay tài sản. Yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo qui định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Đỗ Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ tranh chấp: Từ ngày 19/12/2019 đến ngày 29/12/2019 âm lịch, bà B có cho Bà L vay tổng cộng là 200.000.000 đồng và đã giao đủ tiền cho bà L nhưng đến nay bà L không trả tiền vay còn lại cho bà B. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trong giao dịch dân sự giữa bà B và bà L là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào 02 giấy vay tiền lập ngày 19/12/2019, ngày 29/12/2019 âm lịch và lời khai do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Nguyên đơn bà Phạm Thị B có cho bị đơn bà Đỗ Thị Bích L vay số tiền 200.000.000 đồng, giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay, có chữ ký chữ viết của bà L. Từ ngày 29/12/2019 âm lịch đến ngày 29/9/2020 âm lịch bà L có trả cho bà B 9 tháng tiền lãi là 36.000.000 đồng và khoảng tháng 10/2020 âm lịch bà L có trả cho bà B 10.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 190.000.000 đồng. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự, lãi thỏa thuận của các đương sự đã vượt quá quy định của pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu trả mức lãi suất theo quy định là 1,67%/tháng kể từ 29/12/2019 đến ngày 29/9/2020 âm lịch, cụ thể: $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 9 \text{ tháng} = 30.060.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền lãi vượt quá qui định là: 36.000.000 đồng – 30.060.000 đồng = 5.940.000 đồng. Số lãi vượt quá này được trừ vào gốc phải trả cho bà B là 190.000.000 đồng – 5.940.000 đồng = 184.060.000 đồng. Việc vay tài sản giữa nguyên đơn bà B và bị đơn bà L là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, bà B đã nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền nhưng bà L không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà L không đến Tòa để trình bày ý kiến và yêu cầu của mình và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Xét thấy việc vay tài sản trong một thời gian dài nhưng bị đơn không có thiện chí trả nợ đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, do đó tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền gốc 184.060.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) là có căn cứ theo Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Phạm Thị B không yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Bích L trả lãi nên không xét.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể bà Đỗ Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $184.060.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.203.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị B.

1/ Buộc bà Đỗ Thị Bích L phải trả cho bà Phạm Thị B 184.060.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

2/ Về án phí: Bà Đỗ Thị Bích L phải nộp 9.203.000 đồng (Chín triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị B 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001177 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

3/ *Quy định*: Kể từ ngày bà Phạm Thị B có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Đỗ Thị Bích L chưa thi hành xong khoản tiền phải trả cho bà Phạm Thị B. Hàng tháng, bà Đỗ Thị Bích L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Bích L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Huy